

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Chấp hành,
Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra của Hiệp hội Nước mắm Việt Nam**

CHỦ TỊCH HIỆP HỘI NƯỚC MẮM VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-BNV ngày 03/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập Hiệp hội Nước mắm Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hiệp hội Nước mắm Việt Nam đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 1395/QĐ-BNV ngày 29/11/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-NMVN của Ban Chấp hành Hiệp hội Nước mắm Việt Nam ngày 24/12/2025;

Theo đề nghị của Tổng Thư ký Hiệp hội Nước mắm Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra của Hiệp hội Nước mắm Việt Nam.

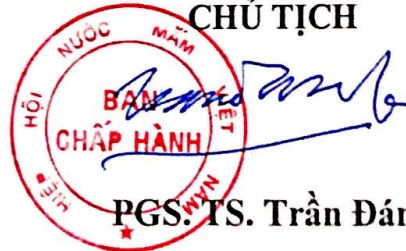
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/QĐ-NMVN ngày 17/03/2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hiệp hội Nước mắm Việt Nam.

Điều 3. Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; cán bộ, nhân viên; hội viên của Hiệp hội Nước mắm Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BNV (đề b/c);
- BNN&MT (đề b/c);
- Lưu VP.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**



PGS. TS. Trần Đăng

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BAN CHẤP HÀNH,
BAN THƯỜNG VỤ VÀ BAN KIỂM TRA CỦA HIỆP HỘI NƯỚC MẮM
VIỆT NAM**

(Ban hành theo Quyết định số 81/QĐ-NMVN ngày 25 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Hiệp hội Nước mắm Việt Nam)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc; cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; chế độ hoạt động, báo cáo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; trách nhiệm, quyền hạn các ủy viên Hiệp hội Nước mắm Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hiệp hội).

2. Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; cán bộ, nhân viên; hội viên của Hiệp hội và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu sự điều chỉnh của quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra hoạt động tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế Hiệp hội; phân công trách nhiệm nhưng bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả trong hoạt động.

2. Ban Kiểm tra hoạt động theo nguyên tắc độc lập, làm việc theo chế độ tập thể;

3. Tổ chức thuộc và trực thuộc Hiệp hội giúp việc Ban Chấp hành tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, quy chế Hiệp hội và đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc.

**Chương II
CƠ CẤU TỔ CHỨC**

Điều 3. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra

1. Ban Chấp hành Hiệp hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hiệp hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của các thành viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Thường vụ Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hiệp hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hiệp hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

3. Ban Kiểm tra Hiệp hội do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

Điều 4. Văn phòng, các tổ chức thuộc và trực thuộc giúp việc Ban Chấp hành

1. Ban Thường vụ quyết định thành lập Văn phòng, các tổ chức thuộc và trực thuộc trên cơ sở Nghị quyết của Ban Chấp hành.

2. Văn phòng không có tư cách pháp nhân gồm Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, các bộ phận giúp việc Văn phòng theo chức năng, nhiệm vụ và nhân viên.

3. Ban chuyên môn không có tư cách pháp nhân gồm trưởng ban, thành viên trong ban.

a) Tên gọi các ban: Ban Sản xuất và kinh doanh, Ban Thông tin và truyền thông, Ban Khoa học và công nghệ;

b) Số lượng, tên gọi các ban khác do Ban Chấp hành quyết định theo thực tế từng giai đoạn hoạt động của Hiệp hội, phù hợp pháp luật và Điều lệ.

4. Chi hội hoặc tên gọi khác không có tư cách pháp nhân gồm chi hội trưởng hoặc tên gọi khác, có thể có phó chi hội trưởng hoặc tên gọi khác, hội viên. Điều kiện thành lập chi hội phải có 10 hội viên trở lên, trong đó có ít nhất 03 hội viên tổ chức.

a) Tên gọi các chi hội gắn với tên tại địa phương; vùng, miền hoặc ngành, lĩnh vực hoạt động;

b) Số lượng chi hội hoặc các tổ chức tên gọi khác tương đương chi hội do Ban Chấp hành quyết định, theo yêu cầu thực tế từng giai đoạn hoạt động của Hiệp hội, phù hợp pháp luật và Điều lệ.

5. Tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân gồm giám đốc hoặc tên gọi khác; có thể có phó giám đốc hoặc tên gọi khác; các phòng, bộ phận và nhân viên giúp việc theo chức năng, nhiệm vụ. Số lượng, tên gọi các tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân do Ban Chấp hành quyết định thành lập theo thực tế từng giai đoạn hoạt động của Hiệp hội, phù hợp pháp luật và Điều lệ.

6. Nhiệm kỳ của lãnh đạo Văn phòng, các tổ chức thuộc và trực thuộc Hiệp hội là 05 năm hoặc khi có văn bản thay thế.

Điều 5. Tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra

1. Có quốc tịch Việt Nam.

2. Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
3. Có uy tín, hiểu biết về lĩnh vực Hiệp hội hoạt động và liên quan.
4. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích.
5. Có thời gian tham gia công tác hội, sức khỏe tốt, độ tuổi đa dạng.

Chương III **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

1. Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ Đại hội.
2. Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.
3. Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hiệp hội.
4. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hiệp hội, quyết nghị thành lập Văn phòng, các tổ chức thuộc và trực thuộc Hiệp hội.
5. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Hiệp hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết đơn, thư kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hiệp hội, các quy chế và quy định khác trong nội bộ Hiệp hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, thành viên Ban Thường vụ, thành viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Ban Kiểm tra; bầu bổ sung thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra.
7. Phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức liên quan trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật để góp phần phát triển Hiệp hội.
8. Thông qua nhân sự, tài chính của Văn phòng Hiệp hội, Chủ tịch Hiệp hội quyết định.
9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định Điều lệ Hiệp hội.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ

1. Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.
2. Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

3. Quyết định thành lập các tổ chức thuộc và trực thuộc Hiệp hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hiệp hội.

4. Thực hiện việc kết nạp, khai trừ và xóa tên hội viên; khen thưởng, kỷ luật hội viên theo Điều lệ, quy định của Hiệp hội.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hiệp hội.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hiệp hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hiệp hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hiệp hội, hội viên.

2. Xem xét, xử lý đơn, thư phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hiệp hội, hội viên, các đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc Hiệp hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

3. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành theo Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trường hợp Hiệp hội không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực

1. Thường trực Hiệp hội gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch thường trực, Tổng Thư ký và Văn phòng Hiệp hội.

2. Thường trực Hiệp hội có nhiệm vụ giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, do Chủ tịch Hiệp hội điều hành để giải quyết các công việc thường xuyên và đôn đốc duy trì thực hiện các hoạt động của Hiệp hội.

Điều 10. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng

1. Văn phòng có chức năng tham mưu giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

2. Văn phòng có nhiệm vụ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ:

a) Tổ chức thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, hành chính, tổng hợp, quản trị;

b) Thực hiện công tác tổ chức, pháp chế, quản lý con dấu của Hiệp hội;

c) Thực hiện công tác quản lý kế toán, tài chính theo Điều lệ, quy chế của Hiệp hội và các quy định pháp luật có liên quan.

d) Thực hiện công tác lễ tân, phục vụ việc tổ chức các hoạt động họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, đào tạo, sự kiện khác theo quy định tại Điều lệ, quy chế của Hiệp hội;

đ) Thực hiện công tác công nghệ thông tin, thống kê, báo cáo. Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của Hiệp hội.

e) Tổ chức thực hiện các công tác khác khi được phân công nhiệm vụ.

Điều 11. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của ban chuyên môn

1. Ban chuyên môn có chức năng chung là tham mưu giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực chuyên môn của ban theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của các ban:

a) Ban Thông tin và Truyền thông:

- Tổ chức và thực hiện công tác thông tin và truyền thông, xuất bản tài liệu, sách, báo, tạp chí, ấn phẩm thuộc lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội;

- Phổ biến các thông tin trong nước và quốc tế;

- Nâng cao nhận thức của hội viên, người tiêu dùng về:

+ Hoạt động của Hiệp hội: đại diện cho nước mắm, mắm Việt Nam, bảo tồn và phát triển thị trường nước mắm trong nước và quốc tế;

+ Chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, kiến thức thực hành sản xuất tốt, hiệp định và hiệp ước liên quan nước mắm, mắm;

+ Điều lệ, quy chế của Hiệp hội;

+ Giá trị tinh hoa của nước mắm, mắm trong ẩm thực Việt và các biện pháp quảng bá sản phẩm.

- Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, đào tạo, tập huấn, sự kiện của Hiệp hội thuộc lĩnh vực quản lý của ban;

- Theo dõi các sự cố truyền thông để xử lý và báo cáo xử lý;

- Phối hợp với các tổ chức liên quan, thực hiện nhiệm vụ khác được phân công.

- Báo cáo công tác hàng năm về Văn phòng Hiệp hội trước ngày 30 tháng 11 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

b) Ban Sản xuất và Kinh doanh:

- Quản lý thông tin hội viên là các cơ sở sản xuất, kinh doanh nước mắm, mắm (sản phẩm nội địa, xuất khẩu, doanh số cao, người tiêu dùng ưa chuộng);

- Nắm bắt được khó khăn, vướng mắc của hội viên sản xuất, kinh doanh trong quá trình áp dụng tiêu chuẩn, quy định pháp luật về nước mắm, mắm; báo cáo đề xuất xây dựng quy định, tiêu chuẩn phù hợp;

- Cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu (nếu có yêu cầu) trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nước mắm, mắm;

- Nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của hội viên, định hướng giúp phát triển ngành nước mắm, mắm thành ngành hàng có giá trị và bền vững;

- Tổng hợp, phản ánh tâm tư nguyện vọng, tham mưu giải pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên sản xuất, kinh doanh nước mắm theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với các tổ chức liên quan, thực hiện nhiệm vụ khác được phân công.

- Báo cáo công tác hàng năm về Văn phòng Hiệp hội trước ngày 30 tháng 11 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

c) Ban Khoa học và Công nghệ:

- Cung cấp kiến thức chuyên môn, định hướng phát triển và đưa ra giải pháp thuộc lĩnh vực phụ trách để củng cố và phát triển ngành hàng nước mắm, mắm;

- Nâng cao trình độ khoa học và công nghệ cho hội viên, hỗ trợ hội viên áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm để đảm bảo năng suất cao, chất lượng và an toàn thực phẩm, đồng thời kiểm soát được các yếu tố nguy cơ từ nguyên liệu, chế biến, bảo quản và phân phối;

- Tổ chức, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án chuyên môn thuộc lĩnh vực của Ban;

- Hỗ trợ hội viên nghiên cứu, cập nhật kiến thức, mô hình mới, phân tích nguy cơ về nước mắm, mắm và liên quan;

- Nhân rộng các mô hình sản xuất nước mắm, mắm áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ để giúp ngành hàng nước mắm, mắm phát triển bền vững.

3. Chức năng, nhiệm vụ các ban khác do Ban Thường vụ quyết định theo yêu cầu thành lập của Ban Chấp hành, phù hợp pháp luật và Điều lệ.

Điều 12. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chi hội hoặc tên gọi khác

1. Chi hội có chức năng tập hợp, đoàn kết và đại diện cho hội viên trong lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi chi hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

2. Chi hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

- a) Chấp hành và hoạt động theo Điều lệ, quy chế, quy tắc Hiệp hội và pháp luật liên quan;
- b) Đại diện cho hội viên chi hội trong lĩnh vực hoạt động theo quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế Hiệp hội;
- c) Bầu, miễn nhiệm các chức danh Chi hội trưởng, Phó Chi hội trưởng và báo cáo Hiệp hội bằng văn bản;
- d) Cử đại biểu tham gia Đại hội Hiệp hội và các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, đào tạo, tập huấn, sự kiện khi được mời tham gia;
- đ) Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích Hiệp hội; chính sách; pháp luật của nhà nước; phát triển hội viên; ngành hàng nước mắm, mắm và liên quan tại địa bàn chi hội hoạt động;
- e) Triển khai các hoạt động theo kế hoạch Chi hội và Hiệp hội;
- g) Lập và lưu giữ danh sách hội viên, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính, biên bản các cuộc họp, văn bản, tài liệu của chi hội. Báo cáo chính quyền địa phương khi chi hội tổ chức sinh hoạt.
- h) Thực hiện nhiệm vụ khác khi được lãnh đạo Hiệp hội phân công.
- i) Báo cáo công tác hàng năm về Văn phòng Hiệp hội trước ngày 30 tháng 11 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

Điều 13. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân

Ban Thường vụ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân do Ban Chấp hành quyết định thành lập, theo yêu cầu thực tế từng giai đoạn hoạt động của Hiệp hội, phù hợp pháp luật và Điều lệ.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH,
BAN KIỂM TRA

Điều 14. Trách nhiệm của ủy viên Ban Chấp hành

1. Tổ chức, triển khai thực hiện Điều lệ Hiệp hội, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội, Hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các quy định của pháp luật trong phạm vi hoạt động phụ trách.
2. Tích cực tham gia các hoạt động của Hiệp hội, tuyên truyền mở rộng uy tín của Hiệp hội.
3. Vận động phát triển hội viên mới và vận động hội viên đóng hội phí đầy đủ cho Hiệp hội.

4. Đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ các hội viên thực hiện chiến lược phát triển ngành hàng nước mắm, mắm ở Việt Nam.

5. Bảo vệ uy tín của Hiệp hội, không được nhân danh Hiệp hội khi chưa được Chủ tịch phân công.

6. Tiếp thu, thu thập các ý kiến góp ý của hội viên, các đối tượng khác trong xã hội về lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội để phản ánh với Ban Chấp hành cũng như đề xuất các ý kiến để Ban Chấp hành thảo luận, tiếp thu và triển khai thực hiện nhằm phát triển nước mắm, mắm thành một ngành kinh tế vững mạnh.

7. Đảm nhận những công việc, nhiệm vụ do Ban Chấp hành và Chủ tịch phân công. Phối hợp, hợp tác giữa các bộ phận, các ban và toàn thể Ban Chấp hành tùy theo mức độ công việc.

8. Tham dự đầy đủ các kỳ họp của Ban Chấp hành và các cuộc họp, hội nghị, sự kiện theo yêu cầu của lãnh đạo Hiệp hội.

Điều 15. Quyền hạn của ủy viên Ban Chấp hành

1. Dự Đại hội, hội nghị, họp và biểu quyết các vấn đề về hoạt động và tổ chức của Hiệp hội.

2. Có quyền ứng cử, đề cử và bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hiệp hội.

3. Được tham gia các hoạt động do Hiệp hội tổ chức.

4. Đề xuất thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều lệ, quy chế Hiệp hội khi được Chủ tịch phê duyệt.

5. Tham gia vào các ban chuyên môn của Hiệp hội.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của ủy viên Ban Kiểm tra

1. Xem xét, xử lý đơn, thư phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hiệp hội, hội viên, các đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc Hiệp hội đúng thời hạn để giải quyết theo thẩm quyền trong Hiệp hội hoặc báo cáo, theo dõi, xử lý tiếp theo yêu cầu của cơ quan quản lý Hiệp hội.

2. Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Hiệp hội.

3. Tham dự đầy đủ các kỳ họp của Ban Kiểm tra hoặc các cuộc họp khác của Hiệp hội khi được yêu cầu.

Chương V CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, BÁO CÁO

Điều 17. Hoạt động của Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành họp thường kỳ mỗi năm 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc yêu cầu của trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và

trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định. Trường hợp biểu quyết của thành viên Ban Chấp hành tham dự họp trực tuyến cần đảm bảo thể hiện rõ số lượng thành viên tham gia dự họp, số lượng biểu quyết trực tuyến và thông qua biên bản, nghị quyết họp trước toàn thể thành viên tham gia dự họp.

2. Cuộc họp của Ban Chấp hành họp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành Hiệp hội quyết định.

3. Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

4. Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (email). Biên bản biểu quyết của Ban Chấp hành đảm bảo thể hiện số lượng thành viên biểu quyết được thông qua và được lưu hồ sơ theo quy định.

5. Quyết định các vấn đề khác của Hiệp hội, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội.

6. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp, hội nghị mở rộng với các tổ chức, cá nhân thuộc Hiệp hội hoặc các tổ chức, cá nhân khác liên quan theo yêu cầu công việc.

Điều 18. Hoạt động của Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ họp thường kỳ 06 (sáu) tháng, 01 (một) lần, kết hợp với kỳ họp Ban Chấp hành, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hiệp hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định. Trường hợp biểu quyết của thành viên Ban Thường vụ tham dự họp trực tuyến cần đảm bảo thể hiện rõ số lượng thành viên tham gia dự họp, số lượng biểu quyết trực tuyến và thông qua biên bản, nghị quyết họp trước toàn thể thành viên tham gia dự họp.

2. Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

3. Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ Hiệp hội biểu quyết tán thành.

4. Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (email). Biên bản biểu quyết của

Ban Thường vụ đảm bảo thể hiện số lượng thành viên biểu quyết được thông qua và được lưu hồ sơ theo quy định.

5. Quyết định các vấn đề khác của Hiệp hội, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành.

6. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp, hội nghị mở rộng với các tổ chức, cá nhân thuộc Hiệp hội hoặc các tổ chức, cá nhân khác liên quan theo yêu cầu công việc.

Điều 19. Hoạt động của Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hiệp hội họp thường kỳ mỗi năm 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm tra hoặc khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Kiểm tra. Ban Kiểm tra quyết định hình thức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến, quyết định hình thức biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Trưởng hợp biểu quyết của thành viên Ban Kiểm tra tham dự họp trực tuyến cần đảm bảo thể hiện rõ số lượng thành viên tham gia dự họp, số lượng biểu quyết trực tuyến và thông qua biên bản, nghị quyết họp trước toàn thể thành viên tham gia dự họp;

2. Các nghị quyết, quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra Hiệp hội biểu quyết tán thành;

3. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến Ban Kiểm tra bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (email). Biên bản biểu quyết của Ban Kiểm tra đảm bảo thể hiện số lượng thành viên biểu quyết được thông qua và lưu hồ sơ theo quy định.

4. Ban Kiểm tra có thể tổ chức họp, hội nghị mở rộng với các tổ chức, cá nhân thuộc Hiệp hội hoặc các tổ chức, cá nhân khác liên quan theo yêu cầu công việc.

Điều 20. Nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền bầu, bầu bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và các chức danh lãnh đạo Hiệp hội

1. Bầu cử:

a) Thẩm quyền bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra thuộc về Đại hội. Thẩm quyền bầu cử Ban Thường vụ; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký (trong danh sách ủy viên Ban Thường vụ); Trưởng ban Kiểm tra thuộc về Ban Chấp hành Hiệp hội;

b) Đoàn chủ tịch Đại hội báo cáo về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra nhiệm kỳ mới trong cả nhiệm kỳ; bầu tại Đại hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành về tổ chức Đại hội.

c) Đại hội thảo luận và biểu quyết về số lượng các ủy viên.

d) Đoàn chủ tịch giới thiệu danh sách các ứng cử viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (bao gồm cả những người tự ứng cử, được đề cử) và lấy ý kiến biểu quyết.

đ) Đại hội thảo luận, quyết định số lượng người trúng cử.

e) Đoàn chủ tịch xin ý kiến Đại hội hình thức bầu cử bỏ phiếu hoặc giơ tay biểu quyết, nếu bỏ phiếu thực hiện như sau:

- Đoàn chủ tịch giới thiệu ban kiểm phiếu, bao gồm một trưởng ban và các ủy viên không có tên trong danh sách bầu cử.

- Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách thức bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, sau đó công bố kết quả bầu cử.

- Đại hội quyết định hình thức giơ tay biểu quyết, kết quả sẽ được công bố ngay.

g) Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới tiến hành bầu Ban Thường vụ và các chức danh lãnh đạo theo thẩm quyền. xem lại 126 hoặc điều lệ

2. Bầu bổ sung:

a) Thẩm quyền bầu bổ sung thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra và các chức danh lãnh đạo thuộc về Ban Chấp hành, nhưng số lượng không được vượt quá số lượng Đại hội đã thông qua.

b) Ban Thường vụ báo cáo yêu cầu, danh sách bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các chức danh khác (kể cả ứng cử, đề cử). Xin ý kiến Ban Chấp hành.

c) Hội nghị biểu quyết thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

d) Tổ chức bầu cử và công bố kết quả trúng cử.

đ) Công nhận kết quả bầu cử (Nghị quyết Ban Chấp hành hoặc quyết định công nhận).

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, thành viên Ban Thường vụ, thành viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó trưởng Ban Kiểm tra thực hiện như quy trình bầu bổ sung các thành viên.

Điều 21. Chế độ báo cáo

1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra báo cáo theo thẩm quyền các nội dung:

a) Hồ sơ tổ chức Đại hội báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc Đại hội, theo quy định hồ sơ tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024;

b) Báo cáo việc thành lập các tổ chức trực thuộc Hiệp hội với Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đối với tổ chức có tư cách pháp nhân báo cáo trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

c) Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Văn bản báo cáo nêu rõ họ tên, lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm; đính kèm biên bản họp miễn nhiệm, bãi nhiệm; biên bản họp bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội; sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 không quá 06 tháng tính đến ngày nộp;

d) Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hiệp hội với Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trước ngày 31 tháng 12 hàng năm;

đ) Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, theo quy định của nhà nước gửi Bộ Tài chính;

e) Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hiệp hội nếu có với Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Ủy viên Ban Chấp hành báo cáo hoạt động của tổ chức mình phụ trách bằng thư điện tử về Văn phòng Hiệp hội, trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp báo cáo chung của Hiệp hội, hoặc báo cáo hoặc đột xuất (nếu có yêu cầu) các nội dung chủ yếu sau:

a) Kết quả hoạt động đã thực hiện, số liệu (nếu có);

b) Dự kiến kế hoạch thời gian tiếp theo.